

## ẢNH HƯỞNG CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI VIỆC ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA

Nhận bài:

27 – 03 – 2019

Chấp nhận đăng:

25 – 06 – 2019

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Lê Thị Phương

**Tóm tắt:** Kiểm tra - đánh giá (KTĐG) kết quả học tập của sinh viên (SV) là một trong những khâu quan trọng trong quá trình dạy học. Cá nhân mỗi người học là một cá thể độc đáo với một năng lực nhất định, giáo dục là để khơi gợi và phát huy tối đa tiềm năng của họ. Và hoạt động KTĐG là công cụ để giúp giảng viên (GV) xác định mức độ đạt được về mặt nhận thức, kĩ năng và thái độ ở người học, có tác động điều chỉnh và góp phần hoàn thiện quá trình dạy học. Mục đích của nghiên cứu là xác định mức độ ảnh hưởng của hoạt động KTĐG kết quả học tập của người học trong việc góp phần đạt được chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo. Kết quả khảo sát cho thấy KTĐG có ảnh hưởng đến các hình thức, phương pháp mà GV sử dụng sẽ giúp SV đạt được chuẩn đầu ra; từ đó ảnh hưởng đến SV trong công tác tổ chức học tập, thực hiện các nhiệm vụ học tập để đạt được CĐR, mục tiêu môn học cũng như giải quyết được các vấn đề dẫn đến việc chưa thành công trong môn học, chưa đạt được CĐR mong đợi,... Ngoài ra, SV được khảo sát cũng đánh giá hài lòng về hoạt động KTĐG đang được triển khai tại Trường.

**Từ khóa:** ảnh hưởng; chuẩn đầu ra; kết quả học tập; kiểm tra- đánh giá.

### 1. Giới thiệu

Nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục đại học trong bối cảnh phát triển căn bản và toàn diện là “mở rộng quy mô phải đi đôi với nâng cao chất lượng. Bên cạnh việc xây dựng, thiết kế chương trình phù hợp với xu thế, hoạt động KT-ĐG kết quả học tập của người học được xem là công cụ đo lường hiệu quả chất lượng dạy-học, giúp điều chỉnh quá trình đào tạo, bổ sung và cải tiến chương trình góp phần hoàn thiện chất lượng đào tạo. Kết quả học tập của SV, duy trì SV, tỉ lệ SV nghỉ học và tỉ lệ tốt nghiệp là những thước đo chính về chất lượng và hiệu quả tổng thể của cơ sở giáo dục đại học (Hatcher, et al., 1992; Redd, 1998).

Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh là trường đại học công lập đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông, mỗi năm Nhà trường thu hút được trên 1.000 SV

theo học. Tỉ lệ SV tốt nghiệp duy trì trên 80% qua mỗi năm học, tuy nhiên số lượng SV tốt nghiệp trước hạn vẫn chưa cao, đa số là đúng hạn và trong phạm vi thiết kế của chương trình đào tạo (CTĐT) theo học chế tín chỉ. Nhà trường đã tiến hành tổ chức lấy ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV (hai lần/năm học) và lấy ý kiến SV tốt nghiệp (1 lần/năm) để xem xét và cải tiến cho phù hợp. Là người trực tiếp phụ trách công tác đảm bảo chất lượng tại đơn vị và qua các ý kiến đóng góp của SV, tác giả nhận thấy hoạt động KT-ĐG kết quả học tập (KQHT) của SV mới chỉ dừng lại ở hoạt động đánh giá để xếp loại học tập; chưa tạo được động lực giúp SV học tập tốt. Ngoài ra, các CTĐT tại Trường Đại học CNTT được xây dựng và phát triển theo CDIO để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra, phát triển năng lực bản thân. Do đó, hoạt động KT-ĐG cũng cần phải phản ánh được các đặc trưng cơ bản của chương trình theo tiếp cận CDIO. Chính vì vậy, việc tìm hiểu các ảnh hưởng của hoạt động KT-ĐG kết quả học tập của SV tại Trường Đại học CNTT là việc làm cần thiết nhằm cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp để

\* Tác giả liên hệ

Lê Thị Phương

Trường Đại học Công nghệ Thông tin - ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh

Email: ltpuong0809@gmail.com

quản lý hoạt động KT-ĐG kết quả học tập của SV, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường

## 2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

Chất lượng và hiệu quả của quá trình dạy học (QTDH) phụ thuộc vào nhiều yếu tố... QTDH sẽ đạt được kết quả nếu người quản lý nhà trường và đội ngũ GV nắm vững các quy luật vận động của QTDH và giải quyết tốt các mối quan hệ biện chứng giữa các yếu tố cấu thành như một chỉnh thể trọn vẹn... Với vị trí là một khâu của QTDH, KT-ĐG xác định mức độ đạt được mục tiêu của QTDH, góp phần trực tiếp thúc đẩy và hoàn thiện QTDH (trước khi bắt đầu giảng dạy, trong quá trình giảng dạy và sau khi kết thúc hoạt động giảng dạy (Nguyễn Thị Thu Phương, 2016)). Trong mỗi hình thức đánh giá tác giả đều phân tích cách xác định giá trị của các loại đánh giá đó, phân tích tác động của nó đến GV và SV, tính khả thi và hiệu quả của nó (James H. McMillan, 2001). Vào những năm 1960, Benjamin Bloom và các SV tốt nghiệp tại Đại học Chicago bắt đầu khám phá ý tưởng rằng sự phân chia bình thường về kết quả học tập SV không phải là kết quả tự nhiên, mà là do sự thất bại trong các hướng dẫn để nhận ra sự khác biệt của người học và đánh giá là một quá trình trung tâm trong việc thể hiện hướng dẫn hiệu quả. Chỉ thông qua đánh giá, chúng ta có thể tìm hiểu xem một chuỗi các hoạt động giảng dạy cụ thể có dẫn đến kết quả học tập dự định hay không (Dylan Wiliam, 2011).

KT-ĐG là một khâu quan trọng trong giáo dục - dạy học và trong công tác quản lý (QL) của nhà trường. KT-ĐG giúp nhà trường thu được những thông tin phản hồi để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế (Nguyễn Phúc Châu, 2005). Việc đổi mới KT-ĐG kết quả học tập (KQHT) kết hợp cùng với đổi mới phương pháp và hình thức dạy học sẽ tác động mạnh đến tính tích cực học tập của SV, *làm cho SV có biến đổi về động cơ học tập, làm cho thái độ học tập của SV tích cực hơn, nâng cao chất lượng và kết quả học tập* (Trần Thị Thìn, 2002). Đồng thời, nếu hoạt động KT-ĐG KQHT thể hiện một cách khách quan, chính xác, đảm bảo tính hệ thống và khoa học sẽ là động lực mạnh mẽ kích lệ sự vươn lên trong học tập của SV, thúc đẩy sự tìm tòi sáng tạo không ngừng của SV (Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005). Đối với các cấp

quản lý, việc KT-ĐG giúp các cán bộ quản lý giáo dục nhìn nhận thực chất hoạt động dạy học của thầy và trò, đánh giá một cách chính xác chất lượng dạy học của nhà trường (Hà Thị Đức, 1989) để có những chủ trương, biện pháp chỉ đạo kịp thời, khuyến khích và hỗ trợ những sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo (Trần Khánh Đức, 2012); là công cụ quan trọng chủ yếu xác định năng lực nhận thức người học (Lê Thị Thu Liễu & Huỳnh Xuân Nhật, 2009) và là cơ sở để xây dựng chiến lược giáo dục về mục tiêu, đội ngũ GV, về vấn đề đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động dạy học (Trần Thị Hương, 2011).

Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng chất lượng giáo dục đại học chưa cao là KT-ĐG chưa thực sự phát huy hết vai trò quan trọng của mình. Cụ thể là: 1) KT-ĐG chưa đúng, chưa đủ mục tiêu môn học; 2) KT-ĐG còn ở mức trí năng (nhận thức và tư duy) bậc thấp, không đánh giá được năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của người học; 3) KT-ĐG chưa chính xác, thiếu khách quan; 4) KT-ĐG chưa đề cập đến vai trò điều chỉnh giảng dạy; 5) KT-ĐG kém tác dụng trong điều chỉnh động cơ, mục tiêu học tập của người học; 6) KT-ĐG còn nhiều hiện tượng tiêu cực (Cần Thị Thanh Hương, 2011). Beard, R. M. and Hartley, J., năm 1984 cho rằng chương trình giảng dạy, sự hướng dẫn và đánh giá là ba thành phần cơ bản của giáo dục, là “ba chân ghế” trong lớp học và nhắc nhở chúng ta rằng “mỗi chân” phải mạnh bằng nhau để thực hiện đúng chức năng, cân bằng và hỗ trợ. Thông thường, truyền đạt những kiến thức được đặt nặng hơn đối với người GV hơn là quan tâm đến việc đánh giá SV sẽ đạt được kiến thức này như thế nào. Kết quả là “chân đánh giá” là bị xem nhẹ nhất trong ba thành tố, ít được hiểu và ít được thực hiện nhất (Gibbs, G. & Simpson, C., 2003).

Shihab Jimaa năm 2011 cho rằng cách mà GV đánh giá SV có tác động lớn đến việc học tập của các em; hơn nữa, tư duy phê phán và đánh giá giải quyết vấn đề có tác động tích cực đến chất lượng kết quả học tập. Ngoài ra, sử dụng khối lượng lớn đánh giá quá trình và các thông tin phản hồi giúp xem xét lại đề cương chi tiết, số lượng và chất lượng phản hồi, sử dụng các ý kiến phản hồi, hình thức đánh giá phù hợp, mục tiêu, tiêu chuẩn và cách tiếp cận rõ ràng, sâu sắc của việc học. Đánh giá có thể được xem như là một phương tiện giúp SV học tập, báo cáo về sự tiến bộ của SV và cách

đưa ra quyết định về việc giảng dạy.

Các tác giả như Trần Thị Bích Liễu (2002) với đề tài “Đánh giá kết quả học tập của SV sư phạm”, Nguyễn Đức Chính (2008) với “Đánh giá thực kết quả học tập trong giáo dục đại học và đào tạo nguồn nhân lực, Trần Tuyết Oanh (2007), Đánh giá trong giáo dục đại học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội,... đều chỉ ra thực trạng công tác KT-ĐG KQHT của SV tại các cơ sở giáo dục nhưng chưa thấy được tác động của hoạt động này đối với SV.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1.1. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Nhằm đánh giá ảnh hưởng của hoạt động KT - ĐG KQHT đối với việc đạt được CĐR của SV trường Đại học CNTT, tác giả sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi đối với các đối tượng là SV đang học tại Trường. Số mẫu cần thu thập là 505/3186 SV đang học tại Trường. Trong 505 bảng hỏi được phát ra, có 328/505 bảng hỏi được thu về, đạt tỉ lệ 65%. Theo Dillman (2000) và Malaney (2002) - được trích dẫn bởi Dương Minh Quang (2014), tỉ lệ bảng hỏi thu về sau khi phát ra từ 30% đến 60% là có thể chấp nhận cho các nhà nghiên cứu phân tích.

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, trong đề tài này tác giả tập trung khảo sát lấy ý kiến SV đang học năm 3 và năm 4 tại Trường, trong đó tỉ lệ SV năm 3 chiếm 47.6% và năm 4 là 52.4% với hai hệ đào tạo chính quy và chất lượng cao (CLC). Các SV này đến từ tất cả các ngành học khác nhau trong trường.

Các SV tham gia khảo sát được hỏi ý kiến về thực trạng hoạt động KT-ĐG tại đơn vị và đánh giá các hình thức, phương pháp KT-ĐG KQHT của SV được GV sử dụng trong môn học chuyên ngành (1= không bao giờ cho đến 5 = rất thường xuyên) với 20 câu hỏi; và, mức độ ảnh hưởng của các hoạt động KT-ĐG KQHT của SV qua các môn học đối với việc góp phần đạt được chuẩn đầu ra (1= Hoàn toàn không ảnh hưởng đến 5 = Rất ảnh hưởng) với 22 câu hỏi.

Trên cơ sở kết quả thông tin thu được, tác giả tiến hành phân tích, đánh giá ảnh hưởng của hoạt động KT-ĐG KQHT của SV thông qua số lượng (%), điểm trung bình và kiểm định tương quan.

### 2.1.2. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động

Bên cạnh phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, để kiểm chứng thông tin và có đánh giá khách quan tác giả sẽ phân tích các tài liệu, bảng điểm, tư liệu (hình ảnh, văn bản cứng và bản mềm) bài thi, đề cương môn học, báo cáo của thanh tra trong các kì thi, báo cáo của các Khoa về công tác tổ chức kì thi tập trung tại trường, kế hoạch chiến lược cũng như kết quả của công tác đảm bảo chất lượng để nghiên cứu, phân tích, tổng hợp các nội dung nhằm làm rõ các vấn đề có liên quan đến nghiên cứu.

## 3. Kết quả và đánh giá

### 3.1. Kết quả

Câu hỏi nghiên cứu thứ nhất: Hoạt động KT-ĐG kết quả học tập của SV tại đơn vị được thực hiện như thế nào?

*Bảng 1. Đánh giá của SV trong việc tiếp cận các thông tin chung về quá trình học tập*

Nội dung	Có/không thực hiện	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Anh/chị được cung cấp các thông tin về bảng mô tả CTĐT	Có	298	90.9
	Không	30	9.1
Anh/Chị được GV cung cấp thông tin chi tiết về môn học (mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, hình thức kiểm tra-đánh giá môn học...).	Có	284	86.6
	Không	44	13.4
<b>Tổng</b>		<b>328</b>	<b>100</b>

Bảng 1 cho thấy Nhà trường đã thực hiện việc thông tin đến SV đầy đủ về bảng mô tả CTĐT (90.9%) và các nội dung chi tiết về môn học, trong đó nêu rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra, các hình thức KTĐG, chiếm tỉ lệ (86.6%). Trên thực tế, Nhà trường đã đưa tất cả các thông tin liên quan đến CTĐT, chuẩn đầu ra của ngành học lên website đơn vị quản lí, đơn vị chuyên môn (Khoa) và được giám sát, cập nhật liên tục theo từng khóa. Đồng thời, Nhà trường cũng có quy định về cập nhật CTĐT và công khai cho SV được biết để thực hiện. Ngoài ra, trong sổ tay SV, các kì sinh hoạt đầu khóa đều được hướng dẫn và cho SV tiếp cận. Đây là các nội

dung quan trọng và thực hiện thường xuyên trong các hoạt động về đào tạo. Tham chiếu tại Hình 1 như sau:



**Hình 1.** CTĐT được đăng tải trên website phòng Đào tạo Đại học

Mặt khác, ý kiến đánh giá của SV về các bài KT-ĐG đã liên hệ với mục tiêu của môn học (góp phần đạt được CĐR CTĐT) và có thể hiện chi tiết rõ ràng các tiêu chí đánh giá người học, kết quả được trình bày tại Bảng 2 sau đây:

**Bảng 2.** Đánh giá của SV về tiêu chí và sự liên quan của các bài KT-ĐG đối với mục tiêu môn học

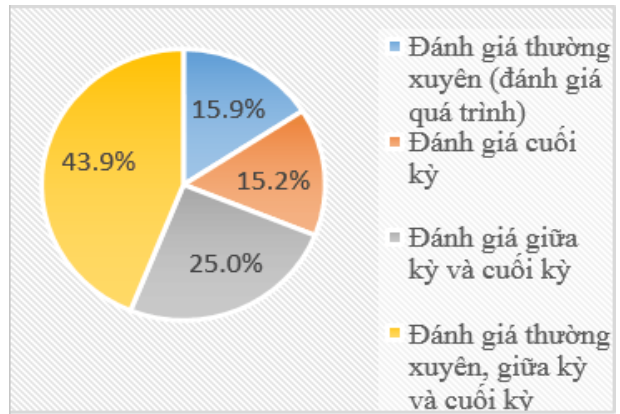
Các bài kiểm tra- đánh giá thể hiện sự liên quan với các mục tiêu môn học			Các tiêu chí KT-ĐG rõ ràng, chi tiết	
Đánh giá	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Có	Không
Ít liên quan	1	0.3	237 (72.3%)	91 (27.7%)
Liên quan	179	<b>54.6</b>		
Khá liên quan	128	39.0		
Rất liên quan	20	6.1		
<b>Tổng cộng</b>	<b>328</b>	<b>100.0</b>		

**Bảng 3.** Đánh giá sự liên quan của các bài KT-ĐG với kết quả học tập của sinh viên

Đánh giá sự liên quan-kết quả học tập của SV
--

Trung bình	.845
Độ lệch chuẩn	1.057
Sai số chuẩn	.058
Độ tin cậy	Thấp hơn
95%	Cao hơn
t	14.475
df	327
Sig. (2-tailed)	<b>.000</b>

Sig. = 0.000 < 0.05, cho thấy có sự khác biệt trong đánh giá sự liên quan giữa các bài KT-ĐG với các mục tiêu môn học ở các SV có kết quả học tập khác nhau.



**Hình 2.** Các loại hình KT-ĐG được GV thực hiện

Như vậy, loại hình KT-ĐG được thực hiện chiếm phần lớn tại đơn vị là đánh giá thường xuyên (với các đánh giá hiện diện, điểm cộng cho các phát vấn trong lớp, cho các ý tưởng mới, độc đáo, qua quan sát), giữa kì (với các bài thuyết trình nhóm về các chủ đề của môn học, tính mới, thái độ và tinh thần hợp tác nhóm, kết quả của bài tập nhóm) và cuối kì (43.9%), xếp ở vị trí thứ hai là đánh giá giữa kì và cuối kì, các loại hình còn lại cho thấy không có sự chênh lệch nhiều. Nhìn chung, đây là các loại hình KT-ĐG khá phổ biến hiện nay ở các cơ sở giáo dục với hai hình thức đánh giá cơ bản, đó là đánh giá quá trình (formative assessment) và đánh giá tổng kết (summative assessment). Ngoài ra, các CTĐT của trường xây dựng theo CDIO do đó để đánh giá mức độ đạt được của SV ở các mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ (gọi chung là năng lực) qua môn học góp phần đạt CĐR CTĐT thì đòi hỏi GV có nhiều hơn các loại hình đánh giá và phù hợp với đặc thù môn học.

Để các cấp quản lí có cơ sở KT-ĐG, tất cả các môn học tại trường đều được cụ thể hóa bằng đề cương chi tiết môn học (các đề cương này được xây theo chuẩn

CDIO), có đầy đủ các thông tin về mô tả môn học, mục tiêu môn học, chuẩn đầu ra môn học, nội dung và kế hoạch dạy học, đánh giá môn học, các tiêu chí (rubrics)... và GV phải công bố cho người học trong buổi học đầu tiên. Hình 3 là ảnh chụp một phần đề cương chi tiết của một môn học tại Trường.

6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC (Course assessment)

Bảng 5.

Thành phần đánh giá [1]	CDRMH [2]	Tỷ lệ (%) [3]
A1. Quá trình (Kiểm tra trên lớp, bài tập)	G1, G4	15%
A2. Giữa kỳ	G1, G2, G3, G4	15%
A3. Thực hành	G2, G3	20%
A4. Cuối kỳ	G1, G2, G3, G4	50%

11

Rubric của từng thành phần đánh giá trong Bảng 5

a. Rubric của thành phần đánh giá A1

Kiểm tra trên lớp	Giỏi (8-10đ)	Khá(6-7đ)	TB(5đ)	Yếu(3-4đ)	Kém(0-3đ)
Hỏi bài cũ, bài mới và làm bài	Xung phong trả lời hoặc lên	Xung phong trả lời hoặc	Xung phong trả lời hoặc	Xung phong trả lời hoặc	Xung phong trả lời hoặc

Hình 3. Đề cương chi tiết môn học

Ngoài ra, mức độ GV thực hiện đúng theo đề cương đã công bố với người học cũng được SV đánh giá tại Bảng 4:

Bảng 4. Đánh giá của SV về hoạt động KT-ĐG mà GV đã thực hiện

Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ
Không thực hiện theo đúng công bố.	0	0.0%
Chỉ có một phần giống theo công bố.	0	0.0%
GV tuân thủ theo đúng công bố.	184	56.1%
Tuân thủ và linh hoạt các hình thức kiểm tra- đánh giá tùy thuộc theo năng lực của lớp.	144	43.9%
Tổng	328	100%

GV đã tuân thủ các nội dung về KT-ĐG chiếm tỉ lệ cao nhất 56.1%, không có GV nào bị đánh giá không thực hiện theo đúng cam kết (thể hiện thông qua đề cương chi tiết môn học) hoặc chỉ thực hiện một phần.

Để kiểm chứng liệu có sự khác biệt nào giữa các ngành học khác nhau trong việc tổ chức các loại hình KT-ĐG môn học, kiểm định Chi-square thể hiện tại Bảng 5.

Bảng 5. So sánh loại hình kiểm tra - đánh giá

được thực hiện ở các ngành học

Chi-Square Tests			
	Value	df	Asymp. Sig. (2-sided)
Pearson Chi-Square	15.719 <sup>a</sup>	18	.612
Likelihood Ratio	16.420	18	.563
Linear-by-Linear Association	1.304	1	.254
N of Valid Cases	328		

a. 3 cells (10.7%) have expected count less than 5. The minimum expected count is 2.13.

Sig. =0.612 > 0.05 đưa ra kết luận không có sự khác biệt trong đánh giá của SV ở các ngành học khác nhau và tần suất mong đợi <20% cho thấy kết quả đáng tin cậy.

Hơn nữa, trong quá trình thực hiện GV không những tuân thủ đúng mà còn linh hoạt, sáng tạo các hình thức KT-ĐG nhằm phù hợp với năng lực người học.

Câu hỏi nghiên cứu 2: Các hình thức, phương pháp KT-ĐG kết quả học tập và tần suất sử dụng ở các môn học chuyên ngành?

Bảng 6 cho thấy, về hình thức KT-ĐG, GV đã thực hiện thường xuyên và rất thường xuyên các bài kiểm tra cuối kì (79%), bài tập thực hành (75%), bài tập nhóm (68%) và bài kiểm tra giữa kì (63%). Về phương pháp KT-ĐG, KT-ĐG thông qua đề án môn học là phương pháp được GV sử dụng thường xuyên và rất thường xuyên, chiếm tỉ lệ 78.7%, ở vị trí theo sau đó là các phương pháp, như: phương pháp thực hành đạt tỉ lệ 62.2%; kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm và tự luận chiếm tỉ lệ 48.5% và kiểm tra viết, câu hỏi ngắn và không sử dụng tài liệu với tỉ lệ 40.9%. Như vậy, phương pháp đánh giá và mức độ yêu cầu của đánh giá có ảnh hưởng đến chiến lược học của đa số SV, đối với từng loại kiểm tra khác nhau SV sẽ học theo những cách khác nhau.

Bảng 6. Các hình thức, phương pháp KT-ĐG kết quả học tập của SV trong các môn học chuyên ngành ở các Khoa

(1= Không bao giờ - 5= Rất thường xuyên; SD= Std. Deviation; M= Mean)

Nội dung	Mức độ GV sử dụng (%)					M	SD
	1	2	3	4	5		
<b>Hình thức KT-ĐG</b>							
Bài tập cá nhân	1.8	9.5	48.2	30.5	10.1	3.4	.9
Bài tập nhóm		.9	31.1	50.6	17.4	3.8	.7
Bài thuyết trình nhóm	5.8	4.6	30.8	38.4	20.4	3.6	1.0
Bài kiểm tra giữa kỳ	2.4	9.8	24.7	41.2	22.0	3.7	1.0
<b>Bài kiểm tra nhanh</b>	<b>12.2</b>	<b>29.3</b>	<b>27.4</b>	<b>26.8</b>	<b>4.3</b>	<b>2.8</b>	<b>1.1</b>
Bài báo cáo cá nhân	10.1	20.4	34.8	25.8	11.0	3.1	1.1
Bài báo cáo nhóm	2.4	2.7	34.5	38.1	22.3	3.8	.9
Bài tập thực hành	.3	.9	23.8	40.9	34.1	4.1	.8
Bài kiểm tra cuối kỳ	.3	3.4	17.4	29.9	49.1	4.2	.9
<b>Phương pháp KT-ĐG</b>							
Kiểm tra viết, câu hỏi ngắn và không sử dụng tài liệu	11.3	14.0	33.8	26.2	14.6	3.2	1.2
Kiểm tra viết, câu hỏi dài và được sử dụng tài liệu	10.7	11.9	43.0	25.9	8.5	3.1	1.1
Bài tập vận dụng theo mẫu	7.0	12.8	40.5	36.0	3.7	3.2	0.9
Bài tập vận dụng nâng cao	4.9	10.1	50.0	34.1	.9	3.2	0.8
Kiểm tra bằng hình thức trực nghiệm	8.2	24.7	28.0	32.3	6.7	3.1	1.1
Kiểm tra bằng hình thức trực nghiệm và tự luận	5.5	19.8	26.2	36.0	12.5	3.3	1.1
<b>Tiểu luận</b>	<b>21.0</b>	<b>36.0</b>	<b>25.3</b>	<b>14.6</b>	<b>3.0</b>	<b>2.4</b>	<b>1.1</b>
Thực hành	1.2	7.0	29.6	38.4	23.8	3.8	0.9
<b>Kiểm tra - đánh giá thông qua đồ án môn học</b>	<b>.3</b>	<b>5.2</b>	<b>15.9</b>	<b>45.7</b>	<b>32.9</b>	<b>4.1</b>	<b>0.8</b>
Trả lời câu hỏi	9.8	7.6	43.9	29.0	9.8	3.2	1.1
Phản biện	22.6	18.3	38.4	16.2	4.6	2.6	1.1

Phân tích ANOVA với Sig. > 0.05 để kiểm tra liệu có sự khác biệt thực sự trong việc sử dụng các hình thức, phương pháp KT-ĐG đã được đề cập ở các Khoa hay không không. Kết quả phân tích ANOVA của từng loại hình thức, phương pháp KT-ĐG ở từng ngành học cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa (Sig. > 0.05) về việc sử dụng các hình thức, phương pháp này. Qua nghiên cứu các bài thi, kết quả báo cáo tổng kết năm học cũng cho thấy kết quả tương tự: GV ở các Khoa đều sử dụng các hình thức, phương pháp KT-ĐG giống nhau đối với các môn học chuyên ngành, chủ yếu là đồ án, thuyết trình nhóm, thực hành, kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ.

Câu hỏi nghiên cứu 3: Ảnh hưởng của các công cụ, phương pháp KT-ĐG đối với SV Trường ra sao trong việc góp phần đạt được CĐR? Thái độ của SV-như thế nào về các hoạt động KT-ĐG mà GV đã thực hiện trong các môn học chuyên ngành?

Thông qua nghiên cứu đề cương các học phần, đề thi của các GV và các bài thi của các SV, chúng tôi xây dựng các yếu tố ảnh hưởng đến việc đạt được CĐR của chương trình. Trên cơ sở đó, chúng tôi xây dựng bảng hỏi và khảo sát trên SV, kết quả thu được thể hiện qua Bảng 7.

**Bảng 7. Ảnh hưởng của hoạt động KT-ĐG**

Nội dung	M	SD
Đánh giá được các hình thức-phương pháp mà GV sử dụng trong môn học sẽ giúp SV đạt được CĐR nào tương ứng trong CTĐT.	3.97	.710
Nhận ra các hoạt động tự học theo hướng dẫn của GV sẽ góp phần trong việc giúp SV đạt được CĐR.	3.84	.710
Đánh giá các thời điểm kiểm tra của môn học là phù hợp nhằm giúp SV đạt được CĐR mong đợi.	3.83	.680
Kiểm chứng nội dung kiểm tra-đánh giá với mục tiêu, chuẩn đầu ra của môn học để xây dựng chiến lược học tập hiệu quả.	3.76	.690
Nhìn nhận lại khả năng tiếp thu của bản thân.	3.93	.730
Tổ chức các hoạt động học tập phù hợp (chọn các hình thức, phương pháp học tập, kế hoạch học tập...).	3.89	.670
Duy trì các hoạt động học tập tích cực.	3.87	.650
Cải thiện điểm.	3.85	.680
Rà soát lại quá trình học tập qua mỗi môn học để đánh giá mức độ đạt được CĐR.	3.79	.660
Giải quyết được các vấn đề dẫn đến việc chưa thành công trong môn học, chưa đạt được CĐR mong đợi.	3.91	.600
Chủ động hơn trong học tập.	3.93	.670



Có trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ học tập để đạt được CĐR, mục tiêu môn học.	3.97	.630
Chấp hành đúng quy định của môn học để đạt được CĐR.	3.84	.590
Tự cam kết đạt được kết quả tốt trong môn học.	3.76	.620
Phản hồi với GV về các vấn đề liên quan đến môn học (hình thức, tỉ lệ kiểm tra- đánh giá,...).	3.78	.650
Đề xuất các vấn đề quan tâm trong phạm vi môn học với GV.	3.82	.650
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.90</b>	<b>0.70</b>

Phân tích nhân tố EFA cho kết quả: KMO= 0.88 > 0.5 và < 1, sig Bartlett's test =0.00 < 0.5 là phù hợp (Hair, Anderson Tatham & Black, 2009), phương sai trích= 65.28% > 50% thang đo được chấp nhận (Gerbing & Anderson, 1988); và hệ số Cronbach's alpha= 0.91 (Crobanch's) > 0.6 đạt độ tin cậy (Nunnally, 1978).

Tất cả nội dung đều được đánh giá có ảnh hưởng đến SV trong việc đạt được CĐR (ĐTB: 3.43-4.22), trong đó xếp vị trí cao nhất là giúp SV có trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ học tập để đạt được CĐR, mục tiêu môn học (ĐTB: 3.97, ĐLC: 0.63), đánh giá được các hình thức - phương pháp mà GV sử dụng trong môn học sẽ giúp SV đạt được CĐR nào tương ứng trong CTĐT (ĐTB: 3.97; ĐLC: 0.71), tiếp sau đó là các ảnh hưởng như: giúp SV chủ động hơn trong học tập (ĐTB: 3.93, ĐLC: 0.670), nhìn nhận lại khả năng tiếp thu của bản thân (ĐTB: 3.93; ĐLC: 0.73); tổ chức các hoạt động học tập phù hợp (chọn các hình thức, phương pháp học tập, kế hoạch học tập...),... và thấp nhất là yếu tố kiểm chứng nội dung KT-ĐG với mục tiêu, chuẩn đầu ra của môn học để xây dựng chiến lược học tập hiệu quả (ĐTB: 3.76; ĐLC: 0.69).

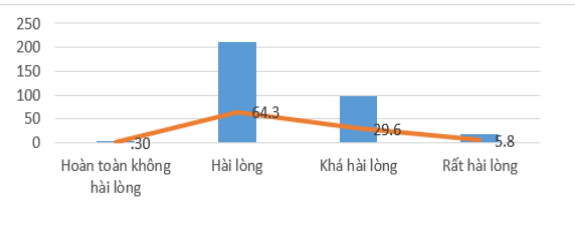
Đồng thời, qua phân tích số liệu thống kê của phòng ĐTDH cũng cho thấy có mối liên hệ giữa xếp loại học tập của SV và tự đánh giá về việc đạt được CĐR, cụ thể:

STT	Tên	Khoa	Kh	Hệ E	Ngành	Xếp loại	4. Anh/Chị tự đánh giá đạt bao nhiêu % chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
1	Trình	KTMT	7	CQUI	KTMT	Khá	Từ 70 đến dưới 90%
2	Thái	MMT&TT	8	CQUI	CNTT	Khá	Từ 70 đến dưới 90%
3	Thái	MMT&TT	9	KSTN	ATT	Giỏi	Từ 70 đến dưới 90%
4	Hàng	MMT&TT	8	CQUI	CNTT	Giỏi	Từ 70 đến dưới 90%
5	Công	KHMT	8	CQUI	KHMT	Khá	Từ 50 đến dưới 70%
6	Thái	MMT&TT	9	KSTN	ATT	Giỏi	Từ 70 đến dưới 90%
7	Thịnh	MMT&TT	7	CQUI	CNTT	Khá	Từ 50 đến dưới 70%
8	Hoàng	KHMT	9	CNTN	KHMT	Giỏi	Trên 90%
9	Dương	KHMT	9	CQUI	KHMT	Khá	Từ 70 đến dưới 90%
10	Hương	KTMT	7	CQUI	KTMT	Khá	Từ 70 đến dưới 90%
11	Huy	MMT&TT	9	KSTN	ATT	Khá	Từ 70 đến dưới 90%
12	Thắng	MMT&TT	7	CQUI	CNTT	Khá	Từ 50 đến dưới 70%
13	Bàng	MMT&TT	7	CQUI	MMT&TT	Khá	Từ 50 đến dưới 70%
14	Nhơn	KTMT	7	CQUI	KTMT	Khá	Từ 70 đến dưới 90%
15	Vũ	KHMT	7	CQUI	KHMT	Khá	Từ 70 đến dưới 90%
16	Đạt	HTTT	8	CITT	HTTT	Giỏi	Trên 90%
17	Đạt	MMT&TT	9	KSTN	ATT	Khá	Từ 70 đến dưới 90%
18	Thảo	MMT&TT	8	CQUI	MMT&TT	Khá	Từ 50 đến dưới 70%
19	Thái	MMT&TT	8	CQUI	CNTT	Khá	Từ 70 đến dưới 90%
20	Thắng	HTTT	8	CITT	HTTT	Khá	Từ 70 đến dưới 90%
21	HTTT	8	CITT	HTTT	Giỏi	Từ 70 đến dưới 90%	

những SV có xếp loại từ Khá trở lên đánh giá khả năng đạt được CĐR cao hơn các SV có xếp loại còn lại.

**Hình 4. Mối quan hệ giữa xếp loại học tập và đánh giá CĐR của SV**

Cuối cùng, SV đánh giá sự hài lòng về các hoạt động KT-ĐG mà GV đã tổ chức, Hình 5.



**Hình 5. Mức độ hài lòng của SV về hoạt động KT-ĐG của GV**

Cũng theo báo cáo kết quả khảo sát hàng năm được thực hiện tại trường cho thấy tỉ lệ SV hài lòng đạt mức tốt, tỉ lệ >85 % (Báo cáo khảo sát SV chính quy về hoạt động giảng dạy của GV năm 2015, 2016, 2017, 2018 và học kì 1, năm học 2019).

### 3.2. Đánh giá

Kết quả nghiên cứu cho thấy có ảnh hưởng của hoạt động KT-ĐG kết quả học tập của SV qua các môn học chuyên ngành đối với việc đạt được CĐR trong CTĐT. Các hoạt động KT-ĐG không chỉ tác động đến việc SV cải thiện điểm hay điều chỉnh lại quá trình học tập của bản thân mà nó còn ảnh hưởng đến cách SV tiếp cận môn học với tâm thế chủ động, tự học vì xác định được vị trí và mục tiêu của môn học trong CĐR của CTĐT. Đồng thời, hoạt động KT-ĐG còn giúp kiểm chứng phương pháp giảng dạy của GV, nội dung kiểm tra phù hợp với môn học giúp đạt được CĐR. Từ đó, SV có trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ học tập để đạt được mục tiêu môn học và phản hồi với GV để điều chỉnh lại quá trình dạy học. Ngoài ra, để phản ánh đúng năng lực của người học cần đa dạng các hình thức, phương pháp và công cụ KT-ĐG nhưng phải phù hợp với người học, loại hình môn học và mở rộng loại hình kiểm tra đánh giá không chỉ đánh giá giữa kì và cuối kì.

Bởi vì nghiên cứu được tiến hành tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, chính vì vậy quan điểm và suy nghĩ của SV không thể đại diện hoặc phản ánh cho tất cả SV Đại

học Quốc gia hoặc SV các trường khác. Vì thế, điều này là giới hạn của nghiên cứu.

Có rất nhiều ảnh hưởng của hoạt động KT-ĐG đến kết quả học tập của SV như tác động đến động lực học tập, phương pháp học, chiến lược học tập và và nhiều yếu tố khác cần được nghiên cứu thêm.

#### 4. Kết luận

Hầu hết các SV đều hài lòng về hoạt động KT-ĐG được thực hiện tại trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy các GV ở các Khoa đều triển khai các hoạt động KT-ĐG theo đúng công bố với SV dưới nhiều hình thức, công cụ và phương pháp khác nhau. Tuy nhiên, GV cần đa dạng thêm các hình thức kiểm tra, tránh việc tập trung quá nhiều vào một hình thức.

Ngoài ra, kết quả khảo sát đã chứng minh rằng đa số các SV đánh giá hoạt động KT-ĐG kết quả học tập của SV qua các môn học có ảnh hưởng đến việc góp phần đạt được chuẩn đầu ra. Do đó, việc xác định KT-ĐG KQHT cần phải được xây dựng căn cứ vào chuẩn đầu ra, mục tiêu của môn học tương ứng với chuẩn đầu ra, mục tiêu của CTĐT.

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số khuyến nghị sau đây:

- GV nên thực hiện KT-ĐG KQHT một cách thường xuyên hơn nữa kết hợp với nhiều hình thức, ngoài đồ án, báo cáo nhóm,... các loại hình đặc trưng của SV nhóm ngành công nghệ thông tin.

- GV nên giúp SV hiểu được ý nghĩa của hoạt động KT-ĐG KQHT là nhằm giúp SV đạt được năng lực đầu ra theo mục tiêu, CDR của CTĐT chứ không phải chỉ là hình thức.

- Căn cứ vào các kết quả của nghiên cứu để tìm kiếm các giải pháp tác động đến SV, các vấn đề nội dung các em quan tâm để định hướng và điều chỉnh. Đồng thời, xây dựng các tiêu chí KT-ĐG chi tiết và rõ ràng thông qua đề cương môn học, công bố ngay từ khi bắt đầu môn học giúp SV chủ động và tích cực hơn trong học tập.

- GV nên cho phép SV tham gia trong việc xây dựng tiêu chí KT-ĐG KQHT và phản hồi một cách chi tiết kết quả KT-ĐG để SV được biết.

- Đề thi, nội dung KT-ĐG nên thể hiện rõ đáp ứng CDR hoặc mục tiêu nào trong môn học, CTĐT.

- Nhà trường đẩy mạnh công tác thanh tra, giám sát hoạt động KT-ĐG KQHT của SV, đặc biệt xem xét có thực hiện theo đúng công bố trong đề cương chi tiết.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Thúy An. (2016). *Đánh giá kết quả học tập môn giáo dục học của SV đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực*. Luận văn Thạc sĩ, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [2] Anderson, J. C., & Gerbing, D. W. (1988). Structural Equation Modeling in Practice: A Review and Recommended Two-Step Approach. *Psychological Bulletin*, 103(3), 411-423.
- [3] Beard, R. M. and Hartley, J. (1984). *Teaching and Learning in Higher Education*. London: Harper & Row.
- [4] Nguyễn Phúc Châu (2005). *Thanh tra, kiểm tra và đánh giá trong quản lý giáo dục*. Nhà xuất bản Hà Nội.
- [5] Đại học Quốc gia Hà Nội (2005). *Giáo dục Đại học: Chất lượng và đánh giá*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc Gia Hà Nội.
- [6] Hà Thị Đức (1989). Đảm bảo tính khách quan trong kiểm tra, đánh giá kiến thức học sinh. *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, 3, 21-22.
- [7] Hair, J. F., Anderson, R. E., Tatham, R. L. & Black, W. C. (2006). *Multivariate data analysis*. New Jersey: Prentice Hall.
- [8] Trần Khánh Đức (2012). *Đo lường và đánh giá trong giáo dục*. Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội.
- [9] Gibbs, G. & Simpson, C. (2003). Measuring the response of students to assessment: the Assessment Experience Questionnaire. *11th International Improving Student Learning Symposium*.
- [10] Phan Thị Thu Hà (2008). Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV trong dạy học lí luận chính trị ở trường đại học, cao đẳng theo định hướng năng lực. *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt tháng 6/2018, 279-281.
- [11] Lê Thị Thu Liễu & Huỳnh Xuân Nhựt (2009). *Thực trạng đánh giá kết quả học tập của SV đại học, cao đẳng*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh.
- [12] Đặng Thị Diệu Hiền (2018). Ảnh hưởng của các phương pháp đánh giá trong giáo dục đến một số chiến lược học của SV tại các trường cao đẳng và đại học. *HNUE Journal of Science Educational Sciences*, 63, 3, 27-39.
- [13] Trần Thị Hương (2011). *Tổ chức hoạt động dạy học đại học*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- [14] Cẩn Thị Thanh Hương (2011). *Nghiên cứu quản lí kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong giáo dục đại học ở Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại



- học Giáo dục.
- [15] Dương Minh Quang (2004). *Sự hài lòng trong công việc giữa các GV đại học Việt Nam* (Sách chuyên khảo Giáo dục và phát triển). Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh
- [16] Dylan Wiliam (2011). What is assessment for learning?. *Studies in Educational Evaluation*,37, 3-14.
- [17] Nunnally.J. (1978). *Psychometric Theory*. New York, McGraw-Hill.
- [18] Shihab Jimaa (2011). The impact of assessment on students learning. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 28, 718-721.

## THE IMPACT OF STUDENTS' RESULT ASSESSMENT-EVALUATION ON LEARNING OUTCOMES

**Abstract:** Assessment-Evaluation on students' result is one of the main steps in the teaching and learning process. Each learner is a unique individual, who has a particular competency and is stimulated to discover and optimize gifted potential. Assessment-evaluation activity is a tool, which helps teacher assess the level of cognition, skill and attitude of learners, which contributes to adjusting and completing the learning and teaching process. The aim of research is to identify the level of influence of assessment-evaluation activity on students' results, which makes a contribution to achieving standard-learning outcomes in the curriculum. Findings showed that assessment-evaluation had an influence on the methods and approaches which were applied by lecturers to enable students to obtain learning outcomes. Moreover, these methods and approaches positively impacted students on learning activities; being responsible for conducting the mission's learning obtaining learning outcomes, goals of the curriculum; solving well the issues which possibly lead to failure on subjects. In addition, students were satisfied with assessment-evaluation activities at their schools.

**Key words:** influences; learning outcomes; student results; assessment- evaluation.